

CHUẨN ĐẦU RA

I. NGÀNH: KHAI THÁC VẬN TẢI

1. Tên ngành đào tạo: *Khai thác Vận tải (Transport Operation)*

2. Mã ngành: 78.401.01

3. Trình độ đào tạo: Đại học (cấp bằng: kỹ sư)

4. Chuẩn đầu ra:

4.1. Chuẩn về kiến thức

4.1.1. Tri thức chuyên môn

(1). Tri thức cơ bản

- Nắm vững nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành : Vận dụng được các kiến thức về nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.

- Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng, thể dục thể thao và có ý thức hành động phù hợp để bảo vệ tổ quốc. Cập nhật được các thành tựu mới của công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng được các công nghệ và các thiết bị hiện đại trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn;

(2). Tri thức chuyên sâu

- Nắm vững được các kiến thức chung của khối ngành khai thác vận tải làm cơ sở để học tập các môn học chung của nhóm ngành và chuyên ngành khai thác vận tải. Đồng thời nắm bắt được các kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh khai thác vận tải.

- Nắm vững được các kiến thức chung của nhóm ngành để tiếp tục học tập các kiến thức chuyên sâu của các chuyên ngành trong khối ngành khai thác vận tải.

- Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp :

4.1.2. Năng lực nghề nghiệp

Các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Khai thác vận tải:

- Có kiến thức điều tra, khai thác, dự báo nhu cầu vận tải
- Có kiến thức về quy hoạch kết cấu hạ tầng, mạng lưới tuyến vận tải.
- Xây dựng chiến lược phát triển vận tải.
- Xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh vận tải.
- Tổ chức và quản lý hoạt động của doanh nghiệp khai thác vận tải.
- Lập kế hoạch tác nghiệp, xây dựng phương án khai thác vận tải.

- Thiết kế cơ sở sản xuất phục vụ hoạt động khai thác vận tải
- Xây dựng các định mức, tiêu chí, tiêu chuẩn trong hoạt động khai thác vận tải.
- Xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát hoạt động khai thác vận tải phù hợp với điều kiện thực tế.
- Phân tích đánh giá chất lượng dịch vụ và hiệu quả của hoạt động khai thác vận tải.

4.2. Chuẩn về kỹ năng

4.2.1. Kỹ năng cứng

(1) Kỹ năng chuyên môn

- Kỹ năng lập luận, phát hiện và giải quyết vấn đề: Tổng quát hóa, đánh giá, phân tích và đưa ra giải pháp kiến nghị, đồng thời có các kỹ năng như lập kế hoạch, tổ chức sắp xếp công việc, đặt mục tiêu, tạo động lực.

Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức bao gồm: Khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phản biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức.

Kỹ năng tư duy một cách hệ thống là: Khả năng phân tích vấn đề có so sánh và phân tích với các vấn đề khác và nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ.

(2) Năng lực thực hành nghề nghiệp

Khả năng nhận biết và phân tích bối cảnh và ngoại cảnh tác động đến cơ sở làm việc, ngành nghề bao gồm trách nhiệm của các kỹ sư, hiểu tác động của ngành nghề khai thác vận tải đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành nghề này, bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc, các vấn đề và giá trị thời đại, bối cảnh toàn cầu.

(3) Năng lực xử lý tình huống

Kỹ năng nhận biết và phân tích tình hình trong và ngoài đơn vị làm việc như: văn hóa, chiến lược phát triển đơn vị, mục tiêu, kế hoạch của đơn vị, quan hệ giữa đơn vị với ngành nghề được đào tạo, làm việc thành công trong đơn vị...

(4) Kỹ năng giải quyết vấn đề

Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn như: Khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp, khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động của nghề nghiệp, khả năng phát hiện và giải quyết hợp lý vấn đề trong nghề nghiệp.

Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt thay đổi trong nghề nghiệp như: Khả năng nghiên cứu cải tiến hoặc phát minh sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp hoặc dẫn dắt các sự thay đổi đó, cập nhật và dự đoán xu thế phát triển ngành nghề và khả năng làm chủ Khoa học kỹ thuật và công cụ lao động mới và tiên tiến.

4.2.2. Kỹ năng mềm

(1) Kỹ năng giao tiếp

Lựa chọn và sử dụng các hình thức giao tiếp hiệu quả, phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp;

Giao tiếp thành thực bằng ngôn ngữ tiếng Việt, tạo lập được các văn bản phổ thông; Trang bị cho sinh viên những kỹ năng trình bày, giải thích những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,... thông qua các báo cáo kỹ thuật theo tiêu chuẩn chuyên nghiệp (bài tập lớn, thiết kế môn học, đồ án tốt nghiệp, hoặc các báo cáo thuyết trình chuyên môn, các đề tài nghiên cứu khoa học).

Có kỹ năng giao tiếp với các đối tượng giao tiếp khác nhau và các bối cảnh văn hóa – xã hội khác nhau.

Thực hiện được kỹ năng thích ứng với sự phức tạp của hoàn cảnh thực tế;

(2) Kỹ năng làm việc theo nhóm

Có kỹ năng tổ chức nhóm làm việc;

Có kỹ năng hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp;

Chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung.

Có kỹ năng quản lý thời gian đáp ứng công việc;

(3) Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ

Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể và hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

Kỹ năng đạt chuẩn ngoại ngữ bậc 3 theo khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

(4) Khả năng sử dụng tin học

Đạt trình độ B tin học văn phòng và một số phần mềm thống kê, có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.

4.3. Chuẩn về thái độ

4.3.1. Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân

- Có đạo đức và nhân cách tốt, đoàn kết giúp đỡ người khác cùng tiến bộ trong công việc cũng như trong cuộc sống.

- Thực hiện đúng các đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước, có ý thức xây dựng phát triển văn minh, văn hóa xã hội.

4.3.2. Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Tôn trọng các quy định, quy chế nơi làm việc, có tác phong làm việc chuyên nghiệp. Tích cực xây dựng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp cũng như các văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp.

4.3.3. Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc

- Thường xuyên cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học đáp ứng yêu cầu công việc

- Tự chủ sáng tạo trong xử lý tình huống công việc

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

- Chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín về giao thông Vận tải trên thế giới như: Mỹ, Anh, Pháp, Đức, ...

- Tham khảo các tài liệu như các công ước quốc tế hiệp định có liên quan đến lĩnh vực vận tải và thương mại quốc tế.

- Các báo cáo chính thống của các tổ chức uy tín trên thế giới về lĩnh vực Vận tải và thương mại quốc tế như: Liên Hợp Quốc, WB, ADB, WTO...

II. CÁC CHUYÊN NGÀNH

1. Tên chuyên ngành: Vận tải - Kinh tế Đường bộ và Thành phố

1.1 Đặc điểm của chuyên ngành:

Sinh viên học chuyên ngành được trang bị các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực vận tải tại các đô thị bao gồm:

- Các kiến thức về điều tra, khai thác, dự báo nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa trong lĩnh vực vận tải đường bộ và đô thị; Quy hoạch kết cấu hạ tầng, mạng lưới tuyến vận tải đường bộ và đô thị

- Xây dựng chiến lược phát triển và các kế hoạch sản xuất kinh doanh vận tải đường bộ và vận tải đô thị

- Tổ chức và quản lý hoạt động và lập kế hoạch tác nghiệp, xây dựng phương án khai thác của doanh nghiệp khai thác vận tải đường bộ và đô thị

- Thiết kế các cơ sở sản xuất phục vụ hoạt động khai thác vận tải đường bộ và đô thị; xây dựng các định mức, tiêu chí, tiêu chuẩn trong hoạt động khai thác vận tải.

- Phân tích đánh giá chất lượng dịch vụ và hiệu quả của hoạt động khai thác vận tải đường bộ và đô thị

1.2. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng đáp ứng ngay các công việc thực tế sản xuất tại doanh nghiệp kinh doanh và khai thác trong các lĩnh vực vận tải đường bộ, các Công ty giao nhận, vận tải hàng hóa Xuất nhập khẩu, kho vận và Logistics; các

Phòng ban chức năng về quản lý vận tải, quản lý phương tiện và người lái, các Ban quản lý dự án GTVT trực thuộc Sở GTVT các địa phương trên cả nước, các cơ quan nghiên cứu, giáo dục đào tạo về giao thông vận tải như các viện nghiên cứu trực thuộc bộ Giao thông Vận tải, Viện nghiên cứu chuyên ngành giao thông vận tải, các Trường đại học, cao đẳng, trung cấp và cao đẳng nghề giao thông vận tải.

2. Tên chuyên ngành: Vận tải Đa phương thức

2.1 Đặc điểm của chuyên ngành:

Sinh viên học chuyên ngành được trang bị các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực vận tải đa phương thức bao gồm:

- Các kiến thức về điều tra, khai thác, dự báo nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa trong lĩnh vực vận tải đa phương thức; quy hoạch kết cấu hạ tầng, mạng lưới tuyến vận tải

- Xây dựng chiến lược phát triển vận tải; kế hoạch sản xuất kinh doanh vận tải đa phương thức, vận tải giao nhận và kho vận.

- Tổ chức và quản lý hoạt động của doanh nghiệp khai thác vận tải đa phương thức, giao nhận và kho vận

- Lập kế hoạch tác nghiệp, xây dựng phương án khai thác vận tải đa phương thức; tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát hoạt động vận tải phù hợp với điều kiện thực tế.

- Xây dựng các định mức, tiêu chí, tiêu chuẩn trong các phương thức vận tải.

- Xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát hoạt động vận tải phù hợp với điều kiện thực tế.

2.2. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng đáp ứng ngay các công việc thực tế sản xuất tại doanh nghiệp kinh doanh và khai thác trong các phương thức vận tải, các Công ty giao nhận, vận tải hàng hóa Xuất nhập khẩu, kho vận và Logistics; các Phòng ban chức năng về quản lý vận tải, quản lý phương tiện và người lái, các Ban quản lý dự án GTVT trực thuộc Sở GTVT các địa phương trên cả nước, các cơ quan nghiên cứu, giáo dục đào tạo về giao thông vận tải như các viện nghiên cứu trực thuộc bộ Giao thông Vận tải, Viện nghiên cứu chuyên ngành giao thông vận tải, các Trường đại học, cao đẳng, trung cấp và cao đẳng nghề giao thông vận tải.

3. Tên chuyên ngành: Vận tải – Thương mại quốc tế

3.1 Đặc điểm của chuyên ngành:

Sinh viên học chuyên ngành được trang bị các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực vận tải và thương mại bao gồm:

- Có kiến thức điều tra, khai thác, dự báo nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa trong lĩnh vực vận tải và thương mại quốc tế
- Xây dựng chiến lược phát triển vận tải, thương mại
- Xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh và Tổ chức và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp vận tải thương mại, vận tải giao nhận và kho vận.
- Lập kế hoạch tác nghiệp, xây dựng phương án khai thác vận tải quốc tế; Thiết kế cơ sở phục vụ hoạt động khai thác đối với các phương thức vận tải.
- Xây dựng các định mức, tiêu chí, tiêu chuẩn trong các phương thức vận tải.
- Xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện, quản lý, giám sát hoạt động vận tải phù hợp với điều kiện thực tế.

3.2. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng đáp ứng ngay các công việc thực tế sản xuất tại doanh nghiệp kinh doanh và khai thác trong các doanh nghiệp vận tải và thương mại, các Công ty giao nhận, vận tải hàng hóa Xuất nhập khẩu, kho vận và Logistics; các Phòng ban chức năng về quản lý vận tải, quản lý phương tiện và người lái, các Ban quản lý dự án GTVT trực thuộc Sở GTVT các địa phương trên cả nước, các cơ quan nghiên cứu, giáo dục đào tạo về giao thông vận tải như các viện nghiên cứu trực thuộc bộ Giao thông Vận tải, Viện nghiên cứu chuyên ngành giao thông vận tải, các Trường đại học, cao đẳng, trung cấp và cao đẳng nghề giao thông vận tải.

4. Chuyên ngành Điều khiển các quá trình vận tải

4.1. Chuẩn đầu ra của chuyên ngành

- Sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về công tác tổ chức điều hành vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, hàng không và công tác phối hợp vận tải.
- Biết vận dụng các kiến thức vào trong công tác xây dựng kế hoạch cũng như công tác quản lý điều hành vận tải.
- Biết đổi mới sáng tạo trong công tác tổ chức điều hành vận tải. Đảm bảo hiệu quả trong công tác vận tải. Giúp quá trình vận tải được hợp lý, tiết kiệm chi phí khai thác, giảm giá thành vận tải. Có khả năng giải quyết vấn đề về phát triển ngành vận tải đường sắt ở tầm vĩ mô.

4.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

- Các cơ quan quản lý Nhà nước: Bộ, GTVT, Sở GTVT,...
- Các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, ô tô, vận tải & du lịch, vận tải thủy, hàng không, đường sắt: Tổng công ty hàng hải, du lịch, các công ty kinh doanh vận tải hành khách, vận tải hàng hoá bằng đường sắt, đường bộ, đường thủy, công ty du lịch nội địa và quốc tế, các cảng sông, cảng biển, cảng hàng không sân bay, các đơn vị kho vận, hậu cần, xuất nhập khẩu, các công ty logistic...
- Các viện nghiên cứu, trường đào tạo về GTVT, du lịch, hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy...

4.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường;

Có khả năng học tập tiếp tục ở trình độ cao hơn sau khi ra trường.

Đủ kiến thức tương đương để có thể được chấp nhận theo học các chương trình sau đại học ở nước ngoài.

5. Chuyên ngành Khai thác vận tải đường sắt đô thị

5.1. Chuẩn đầu ra của chuyên ngành

- Sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về công tác khai thác và quản lý đường sắt đô thị. Công tác xây dựng kế hoạch lập tàu, biểu đồ chạy tàu đường sắt đô thị, công tác phục vụ hành khách tại các ga đường sắt đô thị, công tác bảo dưỡng sửa chữa đoàn tàu ở các depot.
- Biết vận dụng các kiến thức vào trong công tác quản lý điều hành vận tải đường sắt trong đô thị.
- Biết đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý điều hành vận tải đường sắt đô thị. Giúp nâng cao chất lượng phục vụ hành khách trong đô thị, thu hút hành khách sử dụng đoàn tàu đường sắt đô thị, giảm tắc nghẽn giao thông, phát triển đô thị bền vững. Có khả năng giải quyết vấn đề về phát triển ngành vận tải đường sắt ở tầm vĩ mô.

5.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

- Các cơ quan quản lý Nhà nước: Bộ, GTVT, Sở GTVT, ban quản lý dự án đường sắt đô thị,...

- Các công ty xây dựng, khai thác đường sắt đô thị và các công ty vận tải nói chung.
- Các viện nghiên cứu, trường đào tạo về GTVT, đường sắt, đường bộ, đường thủy,...

5.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường;

Có khả năng học tập tiếp tục ở trình độ cao hơn sau khi ra trường.

Đủ kiến thức tương đương để có thể được chấp nhận theo học các chương trình sau đại học ở nước ngoài.

6. Chuyên ngành Khai thác vận tải đường sắt

6.1. Chuẩn đầu ra của chuyên ngành

- Sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về công tác tổ chức điều hành vận tải đường sắt. Trong công tác tổ chức chạy tàu, xây dựng kế hoạch, thiết kế hệ thống mạng lưới đường sắt.
- Biết vận dụng các kiến thức vào trong công tác tổ chức khai thác và điều hành vận tải đường sắt, quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất kinh doanh của ngành vận tải đường sắt.
- Biết đổi mới sáng tạo trong công tác tổ chức điều hành vận tải. Đảm bảo hiệu quả trong công tác vận tải đường sắt. Có khả năng giải quyết vấn đề về phát triển ngành vận tải đường sắt ở tầm vĩ mô.

6.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp;

- Các cơ quan quản lý Nhà nước: Bộ, GTVT, Sở GTVT,...
- Các doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, ô tô, vận tải & du lịch, vận tải thủy, hàng không, đường sắt: Tổng công ty hàng hải, du lịch, các công ty kinh doanh vận tải hành khách, vận tải hàng hoá bằng đường sắt, đường bộ, đường thủy, công ty du lịch nội địa và quốc tế, các cảng sông, cảng biển, cảng hàng không sân bay, các đơn vị kho vận, hậu cần, xuất nhập khẩu, các công ty logistic...
- Các viện nghiên cứu, trường đào tạo về GTVT, du lịch, hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy...

6.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường;

Có khả năng học tập tiếp tục ở trình độ cao hơn sau khi ra trường.

Đủ kiến thức tương đương để có thể được chấp nhận theo học các chương trình sau đại học ở nước ngoài.

7. Logistics

7.1. Chuẩn đầu ra của chuyên ngành

a) Kiến thức

- Có kiến thức tổng quan về môi trường hoạt động Logistics của tổ chức/doanh nghiệp, như kiến thức về CSHT Logistics, luật và thông lệ trong nước liên quan đến hoạt động Logistics...

- Có kiến thức cơ bản về phương pháp và quy trình quản lý các hoạt động Logistics trong tổ chức/doanh nghiệp. Kiến thức về tổ chức quản lý doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp Logistics nói riêng. Các kiến thức về tổ chức khai thác đầu mối và kho bãi, tổ chức chuỗi cung ứng logistics,...

- Có kiến thức về các nghiệp vụ Logistics cơ bản bao gồm: Nghiệp vụ hải quan, nghiệp vụ thanh toán, giao nhận hàng hóa, dịch vụ khách hàng,...

b) Kỹ năng

- Kỹ năng cứng:

+ Có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ cơ bản về Logistics cho tổ chức/doanh nghiệp;

+ Có kỹ năng phân tích vấn đề kỹ thuật và các vấn đề kinh tế-xã hội-môi trường liên quan đến lĩnh vực Logistics, nắm được quy trình và thủ tục trong tổ chức quản lý vận tải, giao nhận, thiết kế và thực hiện các dịch vụ logistics;

+ Có kỹ năng viết báo cáo công việc; có khả năng trình bày, giải đáp và phản biện các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo qua lời nói, hình ảnh và các phần mềm đa phương tiện bằng tiếng Việt và ngoại ngữ.

- Kỹ năng mềm:

+ Kỹ năng làm việc nhóm: Sinh viên có khả năng làm việc nhóm với vai trò là một thành viên hay lãnh đạo của một tổ chức hoặc một dự án dịch vụ logistics;

+ Kỹ năng giao tiếp: sinh viên có các kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua đọc hiểu, viết văn bản, diễn thuyết và lắng nghe, ứng dụng thành thạo các phương thức giao tiếp điện tử;

+ Các kỹ năng khác như kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng thuyết trình và thuyết phục...

7.2. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp Logistics nói riêng;
- Các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng...trong lĩnh vực quản trị Logistics.
- Các tổ chức, doanh nghiệp tư vấn hoạt động trong lĩnh vực vận tải và logistics.

7.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường;

Có khả năng học tập tiếp tục ở trình độ cao hơn sau khi ra trường.

Đủ kiến thức tương đương để có thể được chấp nhận theo học các chương trình sau đại học ở nước ngoài.